

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Bình Hưng Hòa

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC TẬP GIỮA HỌC KỲ 1
LỚP: 12A3, GVCN: Phạm Văn Thiện - NĂM HỌC: 2016-2017

Số TT	Họ và tên		Nữ	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn		Ngoại ngữ		Thể dục	GD QP-AN	XLHL	CP	KP	ĐHK	XLHK
				1T	1T	1T	1T	15'	1T	1T	15'	1T	15'	15'					
1	Nguyễn Tuấn	Anh		6	7.3	8.8	8.8	9	6	6.5	10	7	Đ	8	TB			50	T
2	Trương Thị Ngọc	Ánh	X	5.3	7.8	7.8	8.5	9	6.8	4.5	10	7.5	Đ	9	TB			50	T
3	Cao Bùi Gia	Bảo		4	5	5	5.3	9	6.8	6.3	10	6	Đ	9	TB			49.5	T
4	Lê Văn	Bảo		5.5	8.3	6.8	6.8	9	6.8	6.5	9	8.8	Đ	9	K			50	T
5	Phạm Ngọc	Bích	X	6.5	7.3	8.3	7.5	9	7	6.5	10	5.5	Đ	9	K			50	T
6	Đoàn Thị Ngọc	Châu	X	7.3	8.5	8	9.5	9	7	7.3	10	8.5	Đ	9	K			50	T
7	Hoàng	Đại		5.3	8.3	8	8.3	9	6.5	5.5	10	6	Đ	10	TB			50	T
8	Vũ Hữu	Đạt		6.8	6	10	8	9	6.8	5.8	5	3.8	Đ	8	TB			50	T
9	Tăng Thị Trà	Giang	X	7.3	8	8.8	9.3	9	6.8	6	10	6.8	Đ	9	K			50	T
10	Vũ	Hải		7	6.3	6.3	7	9	7.3	5.8	10	6.5	Đ	8	K			50	T
11	Trịnh Thu	Huyền	X	6.5	5.8	9	8	9	7.5	4.5	9	4.5	Đ	9	K			49.5	T
12	Phan Thị Hồng	Hương	X	5	7.5	8.5	8.5	9	7	5.3	10	6	Đ	8	TB			50	T
13	Nguyễn Hồ Kim	Khánh	X	8	7.8	8.8	9.3	9	8	8	10	8.8	Đ	9	G			50	T
14	Đoàn Anh	Khoa		7.3	8	9	9	9	6.8	7	10	4.8	Đ	9	K			50	T
15	Phạm Đình	Kiên		6.5	7.3	10	6	9	6.5	5.8	9	3.5	Đ		K			49.5	T
16	Nguyễn Thị Thùy	Linh	X	7.8	8	8.5	7	9	7	6.5	9	7	Đ	8	K			49	T
17	Trần Trọng	Luật		5	8	8.8	8.5	9	5	3.3	9	6.3	Đ	7	TB			50	T
18	Nguyễn Nhật	Minh		5	6.5	6.3	8.3	9	7	6.8	10	7.8	Đ	8	K			50	T
19	Nguyễn Hải	Nam		7.3	7	9.3	8.3	9	6.5	6.5	10	7.5	Đ	10	K			50	T
20	Nguyễn Hoàng Tuyết	Ngân	X	6.5	7	5.8	6.3	9	7	5.3	9	4.8	Đ	8	K			50	T
21	Phạm Minh	Nghi	X	5	7.8	7.3	7.8	9	6.8	7.3	10	7.8	Đ	9	K			50	T
22	Đỗ Tuyết	Nhi	X	4.5	7.3	7.8	8.8	9	8	7	10	7.8	Đ	9	TB			50	T
23	Trần Thị Yến	Nhi	X	6	7	6.5	7.8	9	7	7.3	10	6.3	Đ	9	K			49.5	T
24	Lê Vững	Phát		7	8	9	8.3	9	6.3	6.5	10	6.8	Đ	8	K			50	T
25	Nguyễn Thanh	Phong		7.5	7.8	7.5	9	9	6.5	6.5	9	7.8	Đ	9	K			50	T
26	Phạm Trọng	Phúc		7	7.3	9.5	8.3	9	7	6	8	5.8	Đ	9	K			50	T
27	Nguyễn Thị	Phụng	X	8	8.8	9	8.5	9	7	5.8	10	8.3	Đ	10	K			50	T
28	Phan Thanh	Phương		7.5	8	9	8.5	9	7.3	6.8	9	7	Đ	9	K			50	T
29	Đỗ Minh	Tâm	X	3.5	5.3	3.3	7.3	9	7.3	6.8	10	6.8	Đ	10	Y			50	T

30	Đào Thị Ngọc	Thảo	X	7.3	8.3	8.8	7.8	9	7	7	10	7.8	Đ	8	K			50	T
31	Nguyễn Thị Thu	Thảo	X	5.8	8	7.8	9	9	7	6.5	10	5.8	Đ	10	K			49	T
32	Thân Thị Thu	Thảo	X	5.8	8	7	7.8	9	7.5	5.5	10	7.8	Đ	10	K			50	T
33	Dương Thị Kim	Thủy	X	5.8	8	8	8.8	9	7	5.5	10	7.8	Đ	10	TB			50	T
34	Nguyễn Văn Tinh	Thương		6.3	8.8	9.8	8.5	9	7.5	6.3	9	7.3	Đ	9	K			50	T
35	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	X	4.5	7.3	6.3	7.8	9	7.3	5.3	10	6.8	Đ	10	TB			50	T
36	Nguyễn Đức	Toàn		3.5	6.5	5.3	7.8	9	7	6.5	9	6	Đ	9	TB			49.5	T
37	Nguyễn Thị Thùy	Trang	X	4.5	7.5	5.8	7.5	9	7.5	5.8	10	8	Đ	9	TB			50	T
38	Lê Thanh	Triều		6.3	7.8	8.5	8.5	9	6.5	6.5	10	6.3	Đ	8	K			50	T
39	Trương Thanh	Trúc		7	7.5	8.8	8.5	9	7	7.8	10	6.5	Đ	10	K			50	T
40	Mai Đức	Trường		9.3	7	8.3	7.8	9	6.8	6.5	10	6.8	Đ	8	G			50	T
41	Nguyễn Long	Trường		6.5	7.8	8.5	8.3	9	7	6.5	10	5.5	Đ	9	K			50	T
42	Thái Diễm Ngọc	Tú		7	7	8.8	8.8	9	7	5.8	10	7.5	Đ	8	K	1	0	50	T
43	Lê Ngọc Thảo	Vy	X	5.5	7.8	8.3	6.5	9	7.3	5.8	10	8.3	Đ	9	K			50	T

Bình Tân, ngày 21 tháng 10 năm 2016

Hiệu Trưởng

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Hương

